TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 7 – 2020
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp
2. Ông Nguyễn Hoàng Dân

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trương Thanh Quốc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Tiết Ánh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 944/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Hương H**, sinh năm: 1980. (có mặt)
  Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.
- *Bị đơn*: Anh **Đào Trọng H1**, sinh năm: 1971. (vắng mặt)
  Địa chỉ cư trú: Ấp CT, xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Huỳnh Hương H trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Trọng H1 chung sống với nhau vào năm 2011, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh H1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau; anh H1 thường ghen tuông vô cớ và đánh chị; anh H1 cũng không thường xuyên phụ chị về kinh tế để

nuôi con chung của chị và anh H1. Do đó chị và anh H1 thường xuyên cự cãi. Chị và anh H1 đã ly thân và hiện không còn sống chung nhà. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh H1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Trọng P, sinh ngày 05/02/2017, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mức cấp dưỡng do Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung: Chị H xác định chị và anh H1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác định chị và anh H1 không có nợ chung.

Đối với anh Đào Trọng H1: Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo cho anh H1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập anh H1 đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng anh H1 vẫn không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của anh về các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh và chị Huỳnh Hương H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Huỳnh Hương H và anh Đào Trọng H1 là vợ chồng.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung của chị H và anh H1 cho chị H nuôi dưỡng. Buộc anh H1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Huỳnh Hương H và anh Đào Trọng H1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị H xin ly hôn anh H1. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh H1 cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Anh H1 được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng anh H1 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H1 là đúng quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Hương H xác định chị và anh H1 không đăng ký kết hôn nhưng chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị là có căn cứ. Anh H1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cũng không có ý kiến gửi Tòa án trình bày quan điểm của anh về

những vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân của anh và chị H. Để có căn cứ giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành thu thập thông tin đăng ký kết hôn của chị Huỳnh Hương H và anh Đào Trọng H1 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (nơi chị H đăng ký thường trú) và Ủy ban nhân dân xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nơi anh H1 đăng ký thường trú). Tại Công văn số 36/UBND ngày 13/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu xác định từ năm 2011 đến 2019, chị Huỳnh Hương H và anh Đào Trọng H1 chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT. Tại Công văn số 96/UBND ngày 20/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau xác định từ năm 2011 đến năm 2019 không có thông tin kết hôn của anh Đào Trọng H1. Do đó có căn cứ xác định chị Huỳnh Hương H và anh Đào Trọng H1 không đăng ký kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình nên không có giá trị pháp lý. Thời gian chung sống, chị H xác định chị và anh H1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể khắc phục được, cuộc sống chung không còn tồn tại, chị yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị H và anh H1 không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Chị H xác định chị và anh H1 có 01 người con tên Huỳnh Trọng P, sinh ngày 05/02/2017, đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng. Anh H1 đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng đến thời điểm này anh H1 vẫn không có ý kiến phản đối đối với những thông tin liên quan đến con chung của anh và chị H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận thông tin do chị H cung cấp là chị H và anh H1 có 01 người con chung tên Huỳnh Trọng P, sinh ngày 05/02/2017, đang sống chung với chị H và chấp nhận yêu cầu của chị H về việc giao con chung của chị H và anh H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nhưng không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng với số tiền cụ thể, chị H1 yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét buộc anh H1 cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người cha hoặc người mẹ không trực tiếp nuôi con được quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị H xác định anh H1 làm nhiều việc khác nhau nhưng không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét buộc anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh và chị H với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng anh H1 phải thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Huỳnh Trọng P đủ 18 tuổi. Anh H1 không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định không có. Anh H1 không có ý kiến về tài sản chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H xác định không có. Anh H1 không có ý kiến về nợ chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh H1 phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Hương H và anh Đào Trọng H1.

2 - Về con chung: Giao cháu Huỳnh Trọng P, sinh ngày 05/02/2017 cho chị Huỳnh Hương H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đào Trọng H1 cấp dưỡng nuôi Huỳnh Trọng P mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng anh H1 phải thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Huỳnh Trọng P đủ 18 tuổi. Anh Đào Trọng H1 không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Huỳnh Hương H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đào Trọng H1 không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3 - Về tài sản chung: Các đương sự không ai yêu cầu nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự về hôn nhân và gia đình: Chị Huỳnh Hương H phải chịu 300.000đ. Ngày 05/12/2019 chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0001066) được đối trừ chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Trọng H1 phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

6 - Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân